

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST  
Ngày 31 - 8 - 2020  
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thanh Bảo
2. Ông Hoàng Công Nghĩa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST- KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 21/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T. Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh B - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng T. Địa chỉ: Số 368, đường Quang Trung, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị Kim N - Trưởng phòng Quản lý rủi ro chi nhánh Ngân hàng T. Địa chỉ: Số 368, đường Quang Trung, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T. Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty. Có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974

+ Bà Đoàn Thị Cẩm T, sinh năm 1980

Cùng trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung của Đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2020, Bản tự khai, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng T và Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2019/6587308/HĐTD ngày 31/10/2019 để vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 8.5%/năm, nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực vận tải hàng hóa.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty trách nhiệm hữu hạn T, ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị Cẩm T đã ký với Ngân hàng BIDV Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/6587308/HĐBĐ ngày 14/11/2014 (Được công chứng tại Văn phòng công chứng Nhất Tín ngày 14/11/2014 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã B ngày 14/11/2014); đồng thời, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên H cũng đã ký với Ngân hàng BIDV Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/6587308/HĐBĐ ngày 17/11/2014. Các tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là:

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 903, tờ bản đồ số 02 tại tổ dân phố Trường Sơn, phường Quảng Long, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số BM 603275 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/3/2013 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị Cẩm T.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ số 02 tại tiểu khu 3, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số BM 560824 do UBND huyện T cấp ngày 15/01/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị Cẩm T.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 73A-006.85 thuộc sở hữu của Công ty TNHH T.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu hongyan, biển kiểm soát 73C-024.28 thuộc sở hữu của Công ty TNHH T.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu hongyan, biển kiểm soát 73C-023.43 thuộc sở hữu của Công ty TNHH T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết mà chỉ thanh toán một phần số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng BIDV. Tuy nhiên, đến ngày 11/3/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã trả cho Ngân hàng BIDV 210.000.000 đồng tiền gốc, 15.253.425 đồng tiền lãi và ngày 10/7/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả tiếp cho Ngân hàng BIDV số tiền 280.000.000 đồng tiền gốc và 15.253.425 đồng tiền lãi. Như vậy, tính đến ngày 31/8/2020 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn nợ Ngân hàng BIDV số tiền là 538.801.027 đồng (Trong đó nợ gốc là 510.000.000 đồng và tiền lãi là 28.436.575 đồng và phí chậm trả là 364.452 đồng). Vì vậy, Ngân hàng BIDV khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải thanh toán cho BIDV toàn bộ số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thực tế trả hết nợ. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng BIDV có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ số nợ cho ngân hàng.

Về phía bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn T: quá trình giải quyết vụ án, Công ty trách nhiệm hữu hạn T thừa nhận quá trình vay nợ và số tiền hiện còn nợ đúng như Ngân hàng BIDV đã khởi kiện. Cụ thể, Công ty trách nhiệm hữu hạn T hiện còn nợ Ngân hàng BIDV tổng số tiền nợ gốc là 510.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến hết ngày 31/8/2020 là 28.436.575 đồng và phí chậm trả là 364.452 đồng. Tuy nhiên, do điều kiện làm ăn kinh tế hiện nay còn khó khăn nên Công ty chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Công ty có nguyện vọng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty trả nợ dần từng đợt cho đến khi thực tế trả hết nợ.

Theo lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị Cẩm T: Ông H, bà T thừa nhận ngày 14/11/2014 đã cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn T và Ngân hàng BIDV ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/6587308/HĐBĐ ngày 14/11/2014 để thế chấp các tài sản là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 903, tờ bản đồ số 02 tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số BM 603275 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/3/2013 mang tên ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị Cẩm T; và Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ số 02 tại tiểu khu 3, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số BM 560824 do UBND huyện T cấp ngày 15/01/2013

mang tên hộ ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị Cẩm T. Việc ký kết hợp đồng thế chấp này của ông H, bà T nhằm mục đích để đảm bảo cho một phần khoản vay mà Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã vay của Ngân hàng BIDV theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn T với Ngân hàng BIDV. Nay, Ngân hàng BIDV khởi kiện buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả nợ thì với tư cách là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông H, bà T có nguyện vọng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả nợ dần từng đợt cho đến khi thực tế trả hết nợ. Nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do quá trình giải quyết vụ án, các bên không thống nhất được với nhau về phương thức giải quyết vụ án nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã không chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án, không có mặt tại phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 07/8/2020 làm vụ án phải kéo dài thời gian giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng BIDV tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/8/2020) với tổng số tiền: 538.801.027 đồng (bao gồm nợ gốc là 510.000.000 đồng, nợ lãi là 28.436.575 đồng và phí chậm trả là 364.452 đồng). Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T không trả được nợ thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền xử lý tài sản thế chấp còn lại theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/6587308/HĐBĐ ngày 14/11/2014 để thu hồi nợ cho Ngân hàng BIDV theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

- Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Công ty trách nhiệm hữu hạn T ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/6587308/HĐTD ngày 31/10/2019 với Ngân hàng BIDV trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện mà không bị ai cưỡng bức hay ép buộc. Mặt khác, nội dung của Hợp đồng phù hợp theo quy định tại Điều 398 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trên là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty trách nhiệm hữu hạn T cùng có địa chỉ tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng BIDV vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng BIDV và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng BIDV. Căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/6587308/HĐTD ngày 31/10/2019 được ký kết giữa các bên là BIDV với Công ty trách nhiệm hữu hạn T về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự nên các hợp đồng này đều có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng. Theo đó, Ngân hàng BIDV đã giải ngân cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T vay 1.000.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ lãi hàng tháng theo như hợp đồng đã ký kết với ngân hàng BIDV, mặc dù ngân hàng đã thông báo nợ đến hạn và quá hạn nhiều lần nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn T vẫn cố tình không thực hiện. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét xử phía Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng BIDV số tiền là 520.506.850 đồng (Trong đó nợ gốc 490.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 11/3/2020 là 30.506.850 đồng). Như vậy, tính đến ngày 31/8/2020, Công ty trách nhiệm hữu

hạn T còn nợ ngân hàng BIDV số tiền 538.801.027 đồng (Trong đó nợ gốc 510.000.000 đồng, nợ lãi là 28.436.575 đồng và phí chậm trả là 364.452 đồng). Vì vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thoả thuận đã ký kết trong hợp đồng. Do đó, việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/8/2020) là 538.801.027 đồng (Bao gồm nợ gốc là 510.000.000 đồng, nợ lãi là 28.436.575 đồng và phí chậm trả là 364.452 đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu đối với tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/6587308/HĐBĐ ngày 14/11/2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn T, ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị Cẩm T đã thế chấp các tài sản là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 903, tờ bản đồ số 2 tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số BM 603275 và Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ số 02 tại tiểu khu 3, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình theo GCNQSDĐ số BM 560824 để đảm bảo cho khoản vay. Ngoài ra, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/6587308/HĐBĐ ngày 17/11/2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn T là một xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 73A-006.85; một xe ô tô nhãn hiệu hongyan, biển kiểm soát 73C-024.28 và một xe ô tô nhãn hiệu hongyan, biển kiểm soát 73C-023.43 cũng để đảm bảo cho khoản vay. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã trả một phần nợ gốc và lãi nên đã rút tài sản là xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 73A-023.43 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 903 tờ bản đồ số 2 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình không thế chấp với Ngân hàng nữa. Đối với các tài sản thế chấp còn lại, Ngân hàng BIDV yêu cầu Tòa án tuyên quyền xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng BIDV được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp còn lại theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/6587308/HĐBĐ ngày 14/11/2014 để thu hồi toàn bộ số nợ cho Ngân hàng BIDV.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng BIDV được chấp nhận nên Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng BIDV theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam: buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/8/2020) là 538.801.027 đồng (Bao gồm nợ gốc là 510.000.000 đồng, nợ lãi là 28.436.575 đồng và phí chậm trả là 364.452 đồng)

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T không trả được toàn bộ số nợ thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp còn lại theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/6587308/HĐBĐ ngày 14/11/2014 để thu hồi toàn bộ số nợ cho Ngân hàng T. Các tài sản thế chấp còn lại bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ số 02 tại tiểu khu 3, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 560824 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/01/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị Cẩm T.

+ Một xe ô tô nhãn hiệu hongyan, biển kiểm soát 73C-024.28 thuộc sở hữu của Công ty TNHH T.

+ Một xe ô tô nhãn hiệu hongyan, biển kiểm soát 73C-023.43 thuộc sở hữu của Công ty TNHH T.

### 2. Về án phí:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải nộp 25.552.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 21.262.986 đồng (*Hai mươi một triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn chín trăm tám sáu đồng*) mà Ngân hàng T đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006993 ngày 21/4/2020

### 3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (31/8/2020) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

*“ Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. ”*

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (Đối với người vắng mặt).

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Tưởng Thị Hà**



